

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản tin

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP

Số 5.2025



TIN TỨC - SỰ KIỆN

01 Đề án Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

04 Lâm Đồng thúc đẩy áp dụng truy xuất nguồn gốc: Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao minh bạch và năng lực cạnh tranh

07 Đánh giá nhu cầu công nghệ sạch, phát triển carbon thấp tại các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng

11 Chính sách hỗ trợ người nộp thuế năm 2025

15 Chính sách thuế ưu đãi cho doanh nghiệp khởi nghiệp

17 Giải pháp để nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới

21 Hiện trạng, định hướng và giải pháp phát triển sản xuất mắ ca tại tỉnh Lâm Đồng

26 Công nghệ mới - Sản phẩm mới

28 Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

30 Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

33 Các hình thức kiểm tra, truy xuất nguồn gốc lâm sản

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản tin

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP

Số 5.2025



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0263 3821377

Fax: 0263 3824941

Email: skhcn@lamdong.gov.vn

Website: <https://skhcn.lamdong.gov.vn/>

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP



Ảnh: Internet

ĐỀ ÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP

Ngày 17/9/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2074/QĐ-TTg phê duyệt *Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp* nhằm nâng cao quản lý, hỗ trợ và minh bạch hóa thông tin doanh nghiệp.

Đề án được thực hiện trên vi phạm toàn quốc. Đối tượng cơ sở dữ liệu (CSDL) doanh nghiệp bao trùm toàn bộ khu vực doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế: doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Việc xây dựng và phát triển CSDL doanh nghiệp dựa trên CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cần được triển khai theo các định hướng chính, bao gồm: phát triển dữ liệu theo Bộ chỉ số đo lường sức khỏe doanh nghiệp; phát triển mô hình kiến trúc CSDL doanh nghiệp toàn diện trên cơ sở nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; tiếp tục mở rộng

phạm vi tích hợp dữ liệu với CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; tận dụng kết quả về kho dữ liệu và các nguồn lực hiện có kết hợp với đầu tư mới từ CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

HÌNH THÀNH CSDL DOANH NGHIỆP

Mục tiêu của Đề án là hình thành CSDL doanh nghiệp gồm 06 nguồn dữ liệu chính: đăng ký doanh nghiệp (nguồn chủ đạo), thuế, xuất - nhập khẩu, bảo hiểm xã hội, tín dụng, lao động và việc làm với các CSDL liên quan nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp phục vụ quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ doanh nghiệp; minh bạch hóa các thông tin, hướng đến hình thành dữ liệu lớn và mở đáp ứng yêu cầu khai thác phục vụ quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

Theo lộ trình, năm 2025, xây dựng CSDL doanh nghiệp cơ bản với 04 nguồn

dữ liệu gồm:

+ Đăng ký doanh nghiệp: cung cấp thông tin cơ bản về tình trạng pháp lý và hoạt động của doanh nghiệp, giúp theo dõi và quản lý hiệu quả hơn các hoạt động kinh doanh.

+ Thuế: dữ liệu thuế cung cấp thông tin về nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp đối với Nhà nước, giúp đánh giá sức khỏe tài chính và tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

+ Xuất - nhập khẩu: dữ liệu này phản ánh hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp, giúp đánh giá khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường của doanh nghiệp.

+ Bảo hiểm xã hội: dữ liệu bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc thực hiện các chính sách bảo hiểm cho người lao động, từ đó đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Ngoài việc xây dựng CSDL doanh nghiệp cơ bản, năm 2025 cũng sẽ chứng kiến việc ban hành Bộ Chỉ số đo lường sức khỏe doanh nghiệp.

Xây dựng hệ thống báo cáo về các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính phản ánh tình hình hoạt động của doanh nghiệp; cảnh báo sớm về tình trạng vi phạm của doanh nghiệp để phục vụ công tác hậu kiểm đối với doanh nghiệp; chia sẻ CSDL doanh nghiệp cơ bản với CSDL tổng hợp quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành khác.

Đến năm 2026, tiến hành nâng cấp CSDL doanh nghiệp cơ bản trên cơ sở tiếp tục tích hợp với các nguồn dữ liệu về tín dụng, đầu tư; phát triển các công cụ phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo, máy học, công cụ khai thác dữ liệu lớn.

Giai đoạn 2027-2030, hoàn thiện CSDL

doanh nghiệp trên cơ sở mở rộng việc tích hợp với nguồn dữ liệu về lao động và việc làm, sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ, chuyển đổi số, phát triển bền vững và các dữ liệu khác về doanh nghiệp trên các nền tảng số.

Nâng cấp và phát triển Bộ Chỉ số đo lường sức khỏe doanh nghiệp và liên tục nâng cấp để làm giàu dữ liệu trong CSDL doanh nghiệp theo thời gian thực.

Phát triển các nền tảng phục vụ khai thác dữ liệu mở cho phép người dân, doanh nghiệp tra cứu thông tin, dữ liệu phục vụ sản xuất - kinh doanh; đồng thời, giảm thiểu thời gian, chi phí và tăng cường tính minh bạch cho doanh nghiệp tiếp cận dữ liệu trong CSDL doanh nghiệp.

06 NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Để hoàn thành các mục tiêu đề ra, Đề án đưa ra 06 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, bao gồm:

1. Hoàn thiện khung pháp lý về CSDL doanh nghiệp.

2. Xây dựng và ban hành mô hình kiến trúc CSDL doanh nghiệp.

3. Ban hành, nâng cấp và phát triển Bộ Chỉ số đo lường sức khỏe doanh nghiệp trên cơ sở các chỉ số cốt lõi.

4. Xây dựng, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để hình thành, nâng cấp, phát triển CSDL doanh nghiệp.

5. Vận hành, khai thác Hệ thống CSDL doanh nghiệp, phát triển và quản lý hệ sinh thái ứng dụng.

6. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực về công nghệ thông tin, đặc biệt là các chuyên gia phân tích, khai phá dữ liệu, chuyên gia về khoa học dữ liệu, an toàn an ninh, bảo vệ dữ liệu.

Trong đó, Đề án triển khai xây dựng mô hình kiến trúc CSDL doanh nghiệp bao gồm: kiến trúc dữ liệu, mô hình dữ liệu,

khung tích hợp dữ liệu và các quy trình vận hành bảo đảm tính liên kết, khả năng kết nối, khai thác và chia sẻ thông tin giữa CSDL doanh nghiệp với các CSDL khác. Xây dựng khung tích hợp dựa trên mô hình thông tin cho phép tích hợp dữ liệu lớn, dữ liệu hành chính từ nguồn của bộ, ngành, địa phương và các dữ liệu mở khác vào CSDL doanh nghiệp. Kiến trúc CSDL doanh nghiệp được theo dõi, đánh giá và cập nhật thường xuyên.

Bên cạnh đó, ban hành, nâng cấp và phát triển Bộ Chỉ số đo lường sức khỏe doanh nghiệp trên cơ sở các chỉ số cốt lõi của Bộ Chỉ số tài chính (tốc độ tăng trưởng; hiệu suất sinh lời; hiệu quả quản lý; cấu trúc vốn và thanh toán); Bộ Chỉ số phi tài chính (chỉ số về số lượng doanh nghiệp trên thị trường; chỉ số về lao động; chỉ số về khả năng hấp thụ vốn; chỉ số về mở rộng thị trường; chỉ số về chủ động nguồn đầu vào; chỉ số về đầu tư; chỉ số về phát triển khoa học, công nghệ và phát triển bền vững; chỉ số về nghĩa vụ của doanh nghiệp); Bộ Chỉ số đóng góp vào nền kinh tế (GDP; việc làm; thuế; xuất khẩu; giá trị gia tăng).

Đồng thời, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho CSDL doanh nghiệp tại Bộ Tài chính; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, thống nhất cho các CSDL chuyên ngành tại bộ, ngành...

Ngoài ra, xây dựng, ban hành và thực thi các quy chế, quy trình vận hành, bảo trì, giám sát hiệu năng, an ninh cho toàn hệ thống CSDL doanh nghiệp và nền tảng cung cấp ứng dụng; phát triển công cụ khai thác, phân tích dữ liệu và các ứng dụng; thúc đẩy phát triển và cung cấp dịch vụ ứng dụng từ hệ sinh thái.

Trong năm 2025, Bộ Tài chính đóng vai trò chủ trì xây dựng, hướng dẫn việc kết nối, đồng bộ dữ liệu, chia sẻ dữ liệu của bộ, ngành, địa phương với CSDL doanh

nh nghiệp để vận hành ổn định CSDL doanh nghiệp cơ bản trên cơ sở tích hợp CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với các CSDL thuế tập trung, báo cáo tài chính, xuất - nhập khẩu, bảo hiểm xã hội. Đồng thời, chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ CSDL doanh nghiệp theo đúng mục tiêu của Đề án bảo đảm an ninh, an toàn và liên tục nâng cấp để làm giàu dữ liệu trong CSDL doanh nghiệp theo thời gian thực.

Năm 2026, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành khung pháp lý về CSDL doanh nghiệp. Nâng cấp, hoàn thiện CSDL về đầu tư để kết nối, tích hợp với CSDL doanh nghiệp.

Giai đoạn 2025-2030, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án. Nâng cấp và phát triển Bộ Chỉ số đo lường sức khỏe doanh nghiệp. Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ CSDL doanh nghiệp theo đúng mục tiêu của Đề án bảo đảm an ninh, an toàn. Phát triển các công cụ phân tích tình hình doanh nghiệp, nền tảng phục vụ khai thác dữ liệu mở cho phép người dân, doanh nghiệp tra cứu thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án định kỳ hàng năm; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án (nếu cần)...

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ động nâng cấp, đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, sẵn sàng chia sẻ, tích hợp CSDL về sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo với CSDL doanh nghiệp, hoàn thành giai đoạn 2027-2030. Bảo đảm hạ tầng, đường truyền đáp ứng yêu cầu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành với CSDL doanh nghiệp giai đoạn 2025-2030.



Chương trình quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lạnh”

LÂM ĐỒNG THÚC ĐẨY ÁP DỤNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC: HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO MINH BẠCH VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

NGUYỄN ĐỨC KHÁNH HOÀNG

Trung tâm Mã số, mã vạch quốc gia

Truy xuất nguồn gốc là "chìa khóa" mở cánh cửa phát triển bền vững cho thương mại hàng hóa. Khi hàng hóa được định danh rõ ràng, truy xuất minh bạch, doanh nghiệp chân chính sẽ được bảo vệ, người tiêu dùng được đảm bảo quyền lợi và niềm tin đối với hàng Việt sẽ được củng cố vững chắc.

Trong xu thế toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ, minh bạch chuỗi cung ứng trở thành một trong những yêu cầu trọng yếu để doanh nghiệp khẳng định uy tín, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập thị trường quốc tế. Trong đó, truy xuất nguồn gốc (TXNG) đóng vai trò như “chứng minh thư số” của sản phẩm, giúp doanh nghiệp bảo vệ thương hiệu, người tiêu dùng yên tâm lựa chọn và cơ quan quản lý nhà nước dễ dàng giám sát chất lượng hàng hóa.

TXNG không chỉ đơn thuần là việc cung cấp thông tin cơ bản về sản phẩm mà còn là một hệ thống dữ liệu động, ghi nhận toàn bộ quá trình từ sản xuất, chế biến đến phân phối. Nhờ vậy, TXNG trở thành công cụ quan trọng để quản lý rủi ro, phòng, chống gian lận thương mại và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Đặc biệt, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, việc áp dụng TXNG

đối với nhóm sản phẩm có rủi ro cao sẽ trở thành quy định bắt buộc. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để các doanh nghiệp chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng minh bạch và bền vững.

LÂM ĐỒNG - CHỦ ĐỘNG, TIÊN PHONG TRONG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

Nhận thức rõ tầm quan trọng của TXNG, tỉnh Lâm Đồng đã sớm ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách cụ thể, thể hiện quyết tâm đi đầu trong ứng dụng công nghệ hiện đại vào quản lý sản phẩm, hàng hóa.

Hoạch định chính sách và chương trình hành động rõ ràng

Ngay từ những năm 2022-2023, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành nhiều kế hoạch thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, gắn với TXNG trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Tiêu biểu, Kế hoạch số 2976/KH-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh về *thực hiện Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm TXNG gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng* được phê duyệt với mục tiêu phát triển các vùng sản xuất rau an toàn gắn liền với TXNG và thị trường tiêu thụ đến năm 2030. Theo đó, Kế hoạch xác định trọng tâm là:

- Hình thành các vùng sản xuất tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

- Áp dụng hệ thống TXNG điện tử để kiểm soát toàn bộ quy trình từ trồng trọt, thu hoạch, sơ chế đến phân phối.

- Xây dựng thương hiệu nông sản Đà Lạt - Lâm Đồng gắn với yếu tố minh bạch, an toàn.

Đây là bước đi chiến lược nhằm nâng cao giá trị nông sản địa phương; đồng thời, chuẩn bị cho lộ trình bắt buộc TXNG theo quy định pháp luật trong tương

lai gần.

Xây dựng hệ thống TXNG tập trung cấp tỉnh

Nhằm đồng bộ dữ liệu và giảm chi phí triển khai, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) xây dựng hệ thống TXNG tập trung cho toàn tỉnh.

Hệ thống này được kết nối trực tiếp với Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, cho phép doanh nghiệp và hợp tác xã đăng ký sản phẩm, tạo và in mã QR truy xuất; đồng thời, giúp cơ quan quản lý giám sát theo thời gian thực.

Thí điểm trên sản phẩm chủ lực và đặc sản địa phương

Lâm Đồng nổi tiếng là thủ phủ rau, hoa và cà phê của cả nước. Nhận thức được giá trị đặc thù này, tỉnh đã triển khai thí điểm TXNG cho một số sản phẩm chủ lực:

- Cà phê Arabica Đà Lạt: sản phẩm đã được chứng nhận chỉ dẫn địa lý và xuất khẩu sang nhiều thị trường khó tính. Việc áp dụng TXNG giúp khẳng định nguồn gốc nguyên liệu, phương thức canh tác bền vững và chất lượng ổn định.

- Sầu riêng Đạ Huoai: đây là loại nông sản có tiềm năng xuất khẩu lớn, đặc biệt là vào thị trường Trung Quốc. TXNG giúp chứng minh quy trình sản xuất an toàn, đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật và minh bạch chuỗi cung ứng.

Việc lựa chọn những sản phẩm chủ lực để thí điểm cho thấy cách làm bài bản của Lâm Đồng: tập trung nguồn lực cho sản phẩm chủ lực đóng vai trò đầu tàu, sau đó nhân rộng ra toàn ngành hàng.

Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn quốc tế

Song song với TXNG, tỉnh Lâm Đồng còn hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như HACCP, ISO 22000:2018, FSSC 22000,

VietGAP, GlobalGAP. Đây chính là “nền móng” giúp dữ liệu TXNG không chỉ dừng ở việc xác nhận thông tin sản phẩm mà còn phản ánh được toàn bộ quy trình sản xuất, chế biến và phân phối theo chuẩn mực quốc tế.

Nhờ đó, doanh nghiệp Lâm Đồng có điều kiện thuận lợi hơn để thâm nhập và mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời tạo niềm tin đối với người tiêu dùng trong nước.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và thương mại điện tử

Theo Kế hoạch số 2772/KH-UBND ngày 25/4/2022 về thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/11/2021 phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh, Lâm Đồng đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xúc tiến thương mại, quảng bá đặc sản địa phương trên các sàn thương mại điện tử. Các sản phẩm được TXNG bằng mã QR đã được tích hợp trên một số kênh bán hàng trực tuyến như Postmart, Voso, Shopee, Lazada..., giúp mở rộng kênh phân phối, đưa nông sản Lâm Đồng đến gần hơn với người tiêu dùng hiện đại.

Sự kết hợp giữa TXNG và thương mại điện tử không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn giúp sản phẩm địa phương khẳng định thương hiệu trong nền kinh tế số.

Công tác tuyên truyền, đào tạo

Tỉnh đã tổ chức nhiều hội nghị, lớp tập huấn nhằm trang bị kiến thức về TXNG cho cán bộ quản lý, chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân. Thông qua đó, các đối tượng tham gia được hướng dẫn sử dụng hệ thống TXNG, tiếp cận trực tiếp công cụ quản lý hiện đại, từ đó nâng cao năng lực vận hành thực tế.

Đây là một trong những yếu tố then chốt để bảo đảm tính bền vững trong triển khai TXNG, tránh tình trạng doanh nghiệp áp dụng hình thức, đối phó, thiếu đồng bộ.

KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai TXNG tại Lâm Đồng vẫn còn đối diện với nhiều khó khăn:

- Hạn chế về nhận thức: một bộ phận doanh nghiệp và hợp tác xã, nhất là các đơn vị nhỏ lẻ, chưa thực sự quan tâm hoặc chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của TXNG.

- Nguồn lực đầu tư hạn chế: việc ứng dụng công nghệ TXNG đòi hỏi chi phí đầu tư hạ tầng và nhân lực; đây là rào cản đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

ĐỊNH HƯỚNG TRONG TƯƠNG LAI

Tiếp tục mở rộng từ các sản phẩm thí điểm sang nhiều ngành hàng khác, nhất là các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm đạt chứng nhận OCOP.

Tăng cường hỗ trợ tài chính và kỹ thuật thông qua xây dựng cơ chế hỗ trợ chi phí tem nhãn, đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp và hợp tác xã.

Kết hợp TXNG với các chương trình quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” để nâng cao giá trị nông sản.

Mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, học hỏi kinh nghiệm triển khai TXNG, ứng dụng công nghệ Blockchain, AI nhằm nâng cao độ tin cậy của hệ thống.

Việc triển khai TXNG là xu thế tất yếu, vừa đáp ứng yêu cầu pháp lý, vừa mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp, người tiêu dùng và cơ quan nhà nước. Với những chính sách chủ động, quyết liệt, Lâm Đồng từng bước khẳng định vị thế tiên phong trong việc xây dựng hệ sinh thái sản xuất minh bạch, bền vững.



Dự án điện gió tại Đắk Nông

ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CÔNG NGHỆ SẠCH, PHÁT TRIỂN CACBON THẤP TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG

Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng

Trong bối cảnh chuyển đổi xanh, nhu cầu công nghệ sạch và phát triển kinh tế cacbon thấp hướng đến nền kinh tế tuần hoàn trở thành xu thế tất yếu, việc xây dựng, vận hành và phát triển thị trường cacbon trở thành công cụ ngày càng quan trọng.

Chuyển dịch kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế phát thải cacbon thấp là xu hướng chủ đạo hiện nay trên toàn cầu.

Việt Nam cùng nỗ lực với cộng đồng quốc tế để đạt một mục tiêu khí hậu chung, hướng đến nền kinh tế cacbon thấp và không thải ra khí cacbon được xem là giải pháp tối ưu nhất để phát triển kinh tế song hành với bảo vệ môi trường. Tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước Khung của Liên Hợp quốc về Biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP 26), Việt Nam đã có các cam kết cụ thể cùng 150 quốc gia

đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050. Cam kết này không chỉ là một bước tiến lớn trong nỗ lực giảm thiểu biến đổi khí hậu mà còn là thách thức lớn đối với một quốc gia đang phát triển với nền kinh tế phụ thuộc vào các ngành công nghiệp tiêu thụ năng lượng cao và phát thải lớn như sản xuất điện từ than đá, công nghiệp nặng, giao thông, nông nghiệp; đồng thời, cũng mở ra nhiều cơ hội đầu tư mới, thị trường tài chính xanh khổng lồ tại Việt Nam. Việc đạt được mục tiêu Net Zero đòi hỏi một quá trình chuyển đổi sâu, rộng về các chính sách, công nghệ, hạ tầng

và thói quen sử dụng năng lượng của cả quốc gia.

Việt Nam là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á với tốc độ tăng trưởng GDP ổn định trong những thập kỷ qua. Tuy nhiên, điều này đi kèm với gia tăng nhu cầu năng lượng, kéo theo mức độ phát thải khí nhà kính ngày càng gia tăng từ các hoạt động sản xuất và tiêu thụ năng lượng. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tăng cường phát thải cũng là vấn đề đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững và đạt được mục tiêu Net Zero vào năm 2050.

Để hiện thực mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, Việt Nam đang nỗ lực thực hiện các giải pháp trong dài hạn để hướng đến nền kinh tế cacbon thấp; trong đó, việc xây dựng và vận thành thị trường cacbon trong nước được xem là công cụ hữu hiệu và khả thi.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng diễn biến phức tạp, tỉnh Lâm Đồng xác định chuyển đổi xanh là yêu cầu tất yếu, không chỉ để đáp ứng các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính mà còn là cơ hội để tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thay thế dần năng lượng hóa thạch bằng năng lượng sạch và tái tạo được tỉnh xem là chiến lược lâu dài, góp phần bảo vệ hệ sinh thái, gìn giữ cảnh quan đặc thù, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

Việc sáp nhập 03 tỉnh Lâm Đồng - Đắk Nông - Bình Thuận thành tỉnh Lâm Đồng mới đã mở ra mô hình tỉnh đa vùng - đa văn hóa - đa tiềm năng. Với lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, Lâm Đồng đang đứng trước cơ hội quan trọng để chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng thân thiện

với môi trường. Tuy nhiên, quy mô diện tích rộng lớn, dân số đông và phân bố đa dạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội cũng đặt ra thách thức lớn cho tỉnh trong định hướng phát triển xanh, bền vững.

Đến nay, tỉnh Lâm Đồng đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc kiểm soát ô nhiễm, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh và thân thiện với môi trường. Đặc biệt, Lâm Đồng sau sáp nhập có lợi thế lớn về phát triển năng lượng tái tạo, với tổng cộng 97 dự án nguồn điện đang hoạt động, công suất 3.887,89 MW, chiếm 47,17% tổng công suất nguồn điện của tỉnh. Trong đó, 58 dự án thủy điện với công suất 2.325,31 MW; 11 dự án điện gió với công suất 404,2 MW; 28 dự án điện mặt trời tập trung với công suất 1.158,38 MW. Ngoài ra, hơn 1.038 hệ thống điện mặt trời áp mái với công suất trên 284.000 kW đã được đấu nối vào lưới điện, qua đó, đóng góp tích cực vào việc cung cấp năng lượng xanh. Sự phát triển mạnh mẽ này không chỉ giúp Lâm Đồng giảm dần sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch mà còn thể hiện vai trò tiên phong trong lĩnh vực năng lượng sạch tại khu vực Tây Nguyên.

Trong bối cảnh quốc gia, Việt Nam đã cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 và ban hành nhiều chính sách quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu này. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozone, Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP là những văn bản pháp lý cốt lõi. Nghị định số 119/2025/NĐ-CP bãi bỏ Phụ lục I về mục tiêu giảm phát thải cứng theo lĩnh vực, thay bằng cơ chế linh hoạt dựa trên đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC). Các cơ sở phát

thải lớn được yêu cầu cung cấp thông tin, thực hiện kiểm kê khí nhà kính và từ giai đoạn 2026-2030 sẽ xây dựng kế hoạch giảm phát thải theo hạn ngạch được phân bổ; đồng thời, được phép mua/bán hạn ngạch phát thải và tín chỉ cacbon trên sàn giao dịch trong nước.

Bên cạnh đó, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 đặt ra các mục tiêu cụ thể như giảm 30% phát thải khí mê-tan vào năm 2030 so với 2020 và đến năm 2050, giảm 40% khí mê-tan, đạt Net Zero, phát triển mạnh các công nghệ mới như điện gió ngoài khơi, hydro xanh, công nghệ thu giữ và lưu trữ cacbon (CCS). Đây là định hướng mang tính nền tảng để các địa phương, trong đó có Lâm Đồng, xây dựng kế hoạch hành động phù hợp. Giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng tập trung vào cả cung cấp và sử dụng năng lượng. Về *cung cấp*, ưu tiên phát triển thủy điện, điện gió, điện mặt trời, sinh khối, hydro, tiến đến năng lượng tái tạo chiếm 55% vào năm 2050; giảm dần nhiệt điện than, nghiên cứu điện hạt nhân và áp dụng công nghệ lưu trữ, lưới điện thông minh, CCS. Về *sử dụng*, thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thương mại, dân dụng; phát triển công trình xanh, giao thông điện - hydro, thiết bị hiệu suất cao; tái cơ cấu vận tải, khuyến khích sử dụng phương tiện công cộng.

Qua kết quả rà soát phục vụ báo cáo phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính giai đoạn 2025-2026 cho thấy, tỉnh Lâm Đồng hiện có 16 cơ sở thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Danh mục cơ sở phát thải khí*

nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Trong đó, có những doanh nghiệp lớn như Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV (khai thác và chế biến khoáng sản), Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng (sản xuất phân bón), Công ty TNHH Sợi Đà Lạt (sản xuất sợi), Công ty CP Bia Sài Gòn - Lâm Đồng (sản xuất đồ uống), Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (sản xuất khai thác, chế biến quặng bauxite) và các nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân (sản xuất điện). Ngoài ra, còn có 22 cơ sở khác tuy chưa nằm trong danh mục nhưng đáp ứng tiêu chí kiểm kê khí nhà kính.

Đáng chú ý, các nhà máy nhiệt điện tại khu vực Vĩnh Tân, Phú Quý là những cơ sở có mức phát thải rất lớn. Năm 2024, nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1 phát thải khoảng 7,85 triệu tCO₂e; Vĩnh Tân 2 khoảng 7,18 triệu tCO₂e; Vĩnh Tân 4 và mở rộng khoảng 8,18 triệu tCO₂e; nhà máy điện Diesel Phú Quý gần 18 nghìn tCO₂e. Những con số này cho thấy, ngành năng lượng, khai khoáng, chế biến và vật liệu xây dựng ở Lâm Đồng là các lĩnh vực trọng điểm cần ưu tiên quản lý phát thải; đồng thời, cũng là nơi có nhu cầu lớn về chuyển đổi công nghệ sạch.

Qua nghiên cứu, phân tích, nhu cầu ứng dụng công nghệ sạch tại các doanh nghiệp Lâm Đồng hiện tập trung vào một số nhóm chính. *Trước hết*, nhu cầu tiết kiệm năng lượng và tối ưu sản xuất thông qua thay thế dây chuyền cũ bằng thiết bị hiệu suất cao, lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái, ứng dụng công nghệ quản lý năng lượng thông minh. *Thứ hai*, nhu cầu xử lý chất thải và tuần hoàn tài nguyên, bao gồm đầu tư hệ thống xử lý nước thải, khí thải đạt chuẩn, tái chế phụ phẩm nông nghiệp thành phân bón hữu cơ hoặc nhiên liệu sinh khối. *Thứ ba*, chuyển đổi sang các loại nhiên liệu sạch như khí tự nhiên, sinh khối, hydro thay thế than đá trong

các ngành công nghiệp. *Cuối cùng*, nhu cầu số hóa và tự động hóa trong quản lý hoạt động doanh nghiệp; áp dụng trí tuệ nhân tạo, big data trong kiểm kê phát thải và giám sát chất lượng môi trường.

Để phát triển mô hình cacbon thấp, doanh nghiệp Lâm Đồng cần thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo định kỳ và xây dựng kế hoạch giảm phát thải phù hợp với quy định mới. Việc đặt mục tiêu giảm phát thải ngắn, trung và dài hạn phải gắn với chiến lược phát triển tổng thể của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng cần chuẩn bị hồ sơ, dữ liệu để tham gia thị trường cacbon, tận dụng cơ hội giao dịch tín chỉ cacbon. Ngoài ra, việc minh bạch trong kiểm kê khí nhà kính không chỉ nâng cao uy tín mà còn giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn tín dụng xanh và vốn đầu tư quốc tế.

Tuy nhiên, tiến trình chuyển đổi này không tránh khỏi khó khăn, thách thức. Chi phí đầu tư ban đầu cho các công nghệ xanh thường rất cao, đặc biệt với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhiều đơn vị còn thiếu thông tin cập nhật về công nghệ mới, dẫn đến chậm áp dụng. Việc tiếp cận nguồn vốn xanh bị hạn chế do chưa đáp ứng các yêu cầu minh bạch báo cáo. Hơn nữa, nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về kiểm kê khí nhà kính và ứng dụng công nghệ sạch còn thiếu, gây trở ngại cho công tác triển khai thực tiễn.

Để tháo gỡ khó khăn, chính quyền địa phương đã tăng cường hỗ trợ kết nối doanh nghiệp với các chương trình tín dụng xanh, quỹ môi trường; đồng thời, thông báo về việc tổ chức các khóa tập huấn về kiểm kê khí nhà kính, lập kế hoạch giảm phát thải. Doanh nghiệp cần chủ động xây dựng lộ trình công nghệ sạch, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, đối tác quốc tế. Ngành công thương có thể đóng vai trò trung gian,

thúc đẩy hình thành các khu công nghiệp sinh thái, nơi doanh nghiệp cùng chia sẻ hạ tầng xử lý chất thải và tận dụng năng lượng tái tạo, qua đó giúp giảm chi phí và phát thải.

Lâm Đồng có nhiều tiềm năng và lợi thế để thực hiện mục tiêu giảm phát thải, chuyển đổi xanh, góp phần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường. Những cam kết và hành động khí hậu đã, đang và sẽ được tỉnh triển khai thể hiện rõ nỗ lực hướng đến đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế như chi phí đầu tư công nghệ sạch còn cao, nhận thức về kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn chưa đồng đều, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi và đặc biệt là sự thiếu hụt về công nghệ tiên tiến cũng như nhân lực chuyên môn.

Các kịch bản khí hậu cho thấy, đến giữa thế kỷ XXI, nhiệt độ trung bình của tỉnh có thể tăng từ 0,6-1,5°C. Nếu không có các giải pháp tích cực và hiệu quả hơn, Lâm Đồng sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Do đó, nhu cầu công nghệ sạch và phát triển cacbon thấp tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ngày càng cấp thiết, gắn liền với yêu cầu pháp luật, xu thế thị trường và chiến lược phát triển bền vững. Đây vừa là thách thức về vốn, công nghệ và quản lý, vừa mở ra cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và xây dựng hình ảnh một Lâm Đồng xanh, bền vững.

Trong giai đoạn tới, sự phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng khoa học và công nghệ sẽ là chìa khóa để Lâm Đồng trở thành điểm sáng trong chuyển đổi công nghệ sạch, phát triển cacbon thấp, đóng góp vào mục tiêu Net Zero vào năm 2050 của Việt Nam.



Cổng Thông tin thuế hỗ trợ doanh nhân (Nguồn: Cục Thuế)

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI NỘP THUẾ NĂM 2025

NGUYỄN THỊ CHIỀU
Thuế tỉnh Lâm Đồng

Trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách mới về thuế có hiệu lực thi hành trong năm 2025, với nhiều điểm mới theo hướng đơn giản, minh bạch, tạo thuận lợi và hỗ trợ đến người nộp thuế. Cụ thể, Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2024 và Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ

quy định về hóa đơn, chứng từ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2025.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VÀ NHỮNG THAY ĐỔI MÀ NGƯỜI NỘP THUẾ CẦN LƯU Ý ĐỐI VỚI LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 48/2024/QH15 ĐƯỢC QUỐC HỘI THÔNG QUA NGÀY 26/11/2024

Ngày 26/11/2024, Quốc hội thông qua Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 với một số thay đổi đáng chú ý như sau:

Thứ nhất, quy định khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào rõ ràng hơn và nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế như tại Điều 13 của Luật số 48/2024/QH15 có nêu các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế

bao gồm:

(1) Mua, cho, bán, tổ chức quảng cáo, môi giới mua, bán hóa đơn;

(2) Tạo lập giao dịch mua, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không có thật hoặc giao dịch không đúng quy định của pháp luật;

(3) Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp lập hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày thông báo tạm ngừng kinh doanh;

(4) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ theo quy định của Chính phủ;

(5) Không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử về cơ quan thuế theo quy định;

(6) Làm sai lệch, sử dụng sai mục đích, truy cập trái phép, phá hủy hệ thống thông tin về hóa đơn, chứng từ;

(7) Đưa, nhận, môi giới hối lộ hoặc thực hiện các hành vi khác liên quan đến hóa đơn, chứng từ để được khấu trừ thuế, hoàn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, trốn thuế giá trị gia tăng;

(8) Thông đồng, bao che; móc nối giữa công chức quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế và cơ sở kinh doanh, người nhập khẩu, giữa các cơ sở kinh doanh, người nhập khẩu trong việc sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ để được khấu trừ thuế, hoàn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, trốn thuế giá trị gia tăng.

Thứ hai, Luật Thuế giá trị gia tăng quy định hoàn thuế giá trị gia tăng trong nhiều trường hợp hơn như đối với các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, doanh nghiệp có dự án đầu tư, điều này giúp giảm áp lực về tài chính của các doanh nghiệp (Điều 15 Luật số 48/2024/QH15).

Thứ ba, Luật còn mở rộng thêm đối

tượng chịu thuế giá trị gia tăng như nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (Điều 4 Luật số 48/2024/QH15).

Thứ tư, quy định tăng ngưỡng doanh thu miễn thuế giá trị gia tăng cho hộ, cá nhân kinh doanh nhỏ, nâng ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng của hộ, cá nhân từ 100 triệu đồng lên 200 triệu đồng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026). Điều này giúp giảm gánh nặng cho các hộ kinh doanh nhỏ, gia nhập thị trường dễ dàng hơn (khoản 25 Điều 5 Luật số 48/2024/QH15).

Thứ năm, người nộp thuế cần chú ý thay đổi về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào vì được quy định chặt chẽ hơn. Ví dụ, các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ từ 05 triệu đồng trở lên cần thanh toán không dùng tiền mặt mới được khấu trừ, cụ thể theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, từ ngày 01/7/2025, cơ sở kinh doanh khi mua hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì mới được khấu trừ thuế đầu vào và tính vào chi phí để trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt được quy định tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ *quy định về thanh toán không dùng tiền mặt*. Đối với chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản bên bán không được xem là thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người nộp thuế có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng

giá trị từ 05 triệu trở lên thì chỉ được khấu trừ đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Nghị định số 181/2025/NĐ-CP cũng mở ra cơ chế linh hoạt hơn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong việc ủy quyền cho người lao động của đơn vị như: “*Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được ủy quyền cho cá nhân là người lao động của cơ sở kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh; sau đó, cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào*”. Như vậy, không cần văn bản ủy quyền cho từng lần thanh toán mà chỉ cần quy định ủy quyền trong quy chế tài chính/quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh.

Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Nếu chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh vẫn được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh

toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

Như vậy, việc bắt buộc thanh toán không dùng tiền mặt đối với giao dịch từ 05 triệu đồng trở lên góp phần minh bạch hóa hoạt động kinh doanh, hạn chế tình trạng mua/bán hóa đơn, trốn thuế. Khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số trong giao dịch tài chính, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người nộp thuế trong việc khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng.

LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025/QH15 ĐƯỢC QUỐC HỘI THÔNG QUA NGÀY 14/6/2025

Đối với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 không chỉ điều chỉnh nhiều quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp mà còn thể hiện rõ chủ trương về hỗ trợ, ưu đãi dành cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện cho môi trường kinh doanh của doanh nghiệp phát triển bền vững. Một số điểm hỗ trợ cho doanh nghiệp nổi bật là:

Theo Điều 10, Luật quy định thuế suất phân tầng theo quy mô doanh thu. Trong đó, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng, áp dụng thuế suất 15%; doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng, áp dụng thuế suất 17%.

Đáng chú ý tại khoản 4 Điều 15 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định các doanh nghiệp tại khoản 2, 3 Điều 10 (doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng, tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng), thành lập mới từ hộ kinh doanh được miễn thuế thu nhập doanh

ng nghiệp trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Tại Điều 12, Luật cũng quy định ưu đãi thuế đối với ngành/ngành và địa bàn ưu đãi đầu tư, bao gồm doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao; doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 70/2025/NĐ-CP NGÀY 20/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

Theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ *sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ*, có hiệu lực từ ngày 01/6/2025 quy định nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung hơn so với Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (gồm các nội dung liên quan đến quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người nộp thuế như: loại hóa đơn (hóa đơn thương mại điện tử đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, hóa đơn của doanh nghiệp chế xuất) (Điều 8); thời điểm lập hóa đơn (Điều 9); nội dung của hóa đơn (Điều 10); đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền (Điều 11); cấp hóa đơn điện tử (Điều 13); đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 15); ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 16); thay thế, điều chỉnh hóa đơn điện tử (Điều 19)) nhằm giảm gánh nặng thủ tục hành chính, tạo thuận lợi đến người nộp thuế trong hoạt động lập, sử dụng hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử.

Việc triển khai hóa đơn điện tử có mã từ máy tính tiền là một giải pháp công nghệ quan trọng đi kèm với việc xóa thuế khoán là bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trong lĩnh vực bán lẻ và dịch vụ.

Theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, từ ngày 01/6/2025, các hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở lên và doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trong đó có bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Việc này giúp cơ quan thuế theo dõi sát doanh thu thực tế, ngăn ngừa hành vi gian lận thuế, giảm thiểu tình trạng trốn thuế ở khu vực kinh doanh nhỏ lẻ; đồng thời, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các loại hình kinh doanh. Đây là một bước tiến lớn trong hiện đại hóa quản lý thuế và chuyển đổi số trong công tác thu ngân sách.

Hiện nay, cơ quan thuế tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ người nộp thuế trong việc đăng ký, sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Thông qua thiết lập nhiều kênh hỗ trợ trực tiếp hoặc trực tuyến thường xuyên đến người nộp thuế để phổ biến chính sách, hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn người nộp thuế nhằm minh bạch, đơn giản hóa thủ tục thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế.

Những điều chỉnh về chính sách thuế đang góp phần hoàn thiện kiến trúc thuế hiện đại, minh bạch và công bằng hơn, từ đó, tạo nền tảng vững chắc cho quản lý tài chính nhà nước và sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.



Lâm Đồng thúc đẩy hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

CHÍNH SÁCH THUẾ ƯU ĐÃI CHO DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

NGUYỄN HỒNG NGỌC

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong thời gian gần đây đang phát triển nhanh chóng với động lực chính đến từ các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, nhà đầu tư. Với vai trò thiết kế, thực thi pháp luật, Chính phủ là tác nhân có ảnh hưởng sâu, rộng nhất đến hệ sinh thái khởi nghiệp và một trong những công cụ để Chính phủ tác động đến hệ sinh thái khởi nghiệp chính là hệ thống chính sách thuế.

Dựa trên Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về *một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân*, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu tiên kể từ năm

phát sinh thu nhập chịu thuế, nhằm giảm áp lực tài chính giai đoạn đầu và khuyến khích đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Sau giai đoạn miễn thuế, chính sách cho phép giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, bao gồm các sản phẩm, dịch vụ dựa trên tài sản trí tuệ, công nghệ mới. Việc xác định thời gian miễn, giảm thuế được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (sửa đổi 2013) và các nghị định hướng dẫn, đảm bảo tính minh bạch và nhất quán trong áp dụng. Phạm vi ưu đãi chỉ áp dụng cho doanh thu phát sinh từ hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi

nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Về miễn thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp khi chuyển nhượng vốn góp, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị về *phát triển kinh tế tư nhân* quy định miễn thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu từ chuyển nhượng phần vốn góp hoặc quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, phù hợp với mục tiêu phát huy vai trò kinh tế tư nhân và thúc đẩy chu trình tái đầu tư. Đối tượng hưởng ưu đãi phải là cá nhân hoặc tổ chức được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và duy trì vốn góp tối thiểu 12-24 tháng, nhằm hạn chế rủi ro đầu cơ chớp nhoáng và bảo đảm cam kết đầu tư lâu dài. Cơ chế này không chỉ giảm thiểu rủi ro tài chính cho nhà đầu tư mạo hiểm mà còn gia tăng thanh khoản và tính hấp dẫn của thị trường chuyển nhượng vốn khởi nghiệp.

Về mặt chính sách kinh tế vĩ mô, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế chuyển nhượng vốn góp tạo ra “đòn bẩy” quan trọng, giúp startup giảm chi phí hoạt động, cải thiện dòng tiền tự do, nâng cao khả năng thu hút vốn ngoại. Hơn nữa, khả năng tái đầu tư nội bộ của nhà sáng lập, quỹ đầu tư được củng cố khi lợi nhuận ròng thu về không bị khấu trừ thêm thuế, từ đó hình thành chu trình tài chính bền vững trong hệ sinh thái khởi nghiệp.

Ngoài ra, miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm; giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Qua đó, góp phần thu hút nhân lực chất lượng cao

vào lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Như vậy, trước bối cảnh chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân dành cho khởi nghiệp sáng tạo được triển khai đã tác động đến động lực thành lập startup tại Việt Nam.

Về mặt quy mô, tính đến cuối năm 2024, hệ sinh thái khởi nghiệp đã mở rộng lên hơn 4.000 startup, tăng khoảng 20% so với năm 2023; đồng thời, thứ hạng toàn cầu của Việt Nam trong “Global Startup Ecosystem Index” được cải thiện hai bậc (từ 58 lên 56), phản ánh hiệu quả ngày càng rõ nét của các chính sách hỗ trợ tài chính và cơ chế ưu đãi thuế về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

Về động lực tài chính, gói ưu đãi miễn 100% thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đã giúp startup tiết kiệm chi phí, qua đó, cải thiện thanh khoản và dòng tiền cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, mở rộng thị trường ban đầu. Đồng thời, việc miễn thuế chuyển nhượng vốn góp và thu nhập doanh nghiệp cho quỹ mạo hiểm đã làm tăng kỳ vọng lợi nhuận, khuyến khích các nhà đầu tư rót vốn, giải phóng áp lực thanh khoản và thúc đẩy chu trình tài chính bền vững trong hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo không thể chỉ giới hạn trong những con số ưu đãi thuế hay lãi suất vay, mà cần đặt trên nền tảng quản trị công hiện đại với các nguyên tắc minh bạch, đồng bộ và hiệu quả. Đây cũng là điểm mấu chốt để Việt Nam xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mang tính tự cường, bền vững và hội nhập toàn cầu.

Với cơ chế miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp gắn chặt tiêu chí khởi nghiệp sáng tạo và ưu đãi thuế chuyển nhượng vốn góp, Việt Nam đang tạo cú hích mạnh mẽ cho hệ sinh thái startup.



GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG THỜI GIAN TỚI

TÔ VĂN SANH

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng

Ngày 06/5/2025, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024; kết quả dựa trên khảo sát thường niên của trên 8.000 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước (doanh nghiệp tư nhân) tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước; 1.500 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

PCI 2024 cũng là lần công bố thứ 20 của VCCI và là lần cuối cùng có đủ 63 tỉnh, thành phố trong bảng xếp hạng, trước khi quá trình sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết của Trung ương chính thức được triển khai từ nửa cuối năm 2025.

CHỈ SỐ PCI CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG TRƯỚC SẮP NHẬP

Từ dữ liệu điểm số PCI 2024 do VCCI phối hợp với USAID công bố, tác giả đã phân tích và xác định điểm số PCI năm 2024 của Lâm Đồng đạt 65,08 điểm (tăng 1,64 điểm so với PCI 2023); xếp hạng 54/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (tăng 02 bậc so với năm 2023).

Tuy nhiên, PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2024 vẫn còn những hạn chế: vị trí thứ hạng rất thấp, xếp ở vị rất sâu (54/63 tỉnh, thành); nhiều chỉ số thành phần giảm điểm và thứ hạng (chỉ số gia nhập thị trường, chỉ số tính năng động của chính quyền tỉnh). Bên cạnh đó, nhiều chỉ tiêu bên trong các chỉ số thành phần được đánh giá ở mức thấp, thấp hơn nhiều so với mức trung vị

của cả nước.

Cụ thể, 06 chỉ số tăng điểm, tăng thứ hạng gồm: chi phí thời gian, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Có 01 chỉ số thành phần tăng điểm, giảm thứ hạng là tính minh bạch. Có 01 chỉ số thành phần giảm điểm, tăng thứ hạng là tiếp cận đất đai. Có 02 chỉ số thành phần giảm điểm, giảm thứ hạng: gia nhập thị trường; tính năng động và tiên phong của chính quyền.

CHỈ SỐ PCI CỦA TỈNH BÌNH THUẬN TRƯỚC SÁP NHẬP

Chỉ số PCI năm 2024 được thực hiện dựa trên điều tra cảm nhận của 118/6.831 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn (tính đến ngày 31/12/2024); trong đó, có 110 doanh nghiệp tư nhân trong nước, 08 doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2023-2024 (không có doanh nghiệp FDI).

Trong bảng xếp hạng PCI năm 2024, tỉnh Bình Thuận trước sáp nhập đứng thứ 19/63 tỉnh, thành phố, giảm 01 bậc; đạt 68,92 điểm, tăng 0,86 điểm so với năm 2023. Tỉnh Bình Thuận trước sáp nhập tiếp tục đứng trong Top 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước.

Có 07 chỉ số thành phần tăng điểm: gia nhập thị trường; tiếp cận đất đai; tính minh bạch; chi phí thời gian; chi phí không chính thức; đào tạo lao động; thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

Có 03 chỉ số thành phần giảm điểm: cạnh tranh bình đẳng; tính năng động của chính quyền tỉnh; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

Có 08 chỉ số thành phần tăng bậc: gia nhập thị trường; tiếp cận đất đai; tính minh bạch; chi phí thời gian; chi phí không chính thức; tính năng động của chính

quyền tỉnh; chính sách đào tạo lao động; thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

Có 02 chỉ số thành phần giảm bậc: cạnh tranh bình đẳng; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

CHỈ SỐ PCI CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG TRƯỚC SÁP NHẬP

Theo công bố của VCCI, PCI của tỉnh Đắk Nông trước sáp nhập đạt 67,45 điểm (giảm 0,34 điểm so với năm 2023), xếp thứ 36/63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Xét về điểm số, so với năm 2023, năm 2024 có 05 chỉ số thành phần giảm điểm: tiếp cận đất đai; chi phí không chính thức; cạnh tranh bình đẳng; thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Có 05 chỉ số thành phần tăng điểm: tính minh bạch; đào tạo lao động; gia nhập thị trường; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; tính năng động của chính quyền tỉnh.

Xét về thứ hạng, năm 2024, có những chỉ số thăng hạng nổi bật trong bảng xếp hạng toàn quốc và tăng số bậc cao so với năm 2023; tuy nhiên, lại có chỉ số tụt hạng, giảm số bậc xếp hạng so với năm 2023, đó là: tính minh bạch; tính năng động của chính quyền tỉnh; gia nhập thị trường; đào tạo lao động; chi phí thời gian; chi phí không chính thức; tiếp cận đất đai; cạnh tranh bình đẳng; thiết chế pháp lý; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để cải thiện và nâng cao PCI của tỉnh Lâm Đồng sau sáp nhập, trong thời gian tới, cần có những giải pháp đủ mạnh, đồng bộ, lâu dài.

- Tích cực giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định; nghiên cứu rút ngắn hơn nữa thời gian giải quyết theo quy định các hồ sơ về thay đổi một số nội dung đăng ký doanh nghiệp

đơn giản; tăng cường các hình thức hỗ trợ, hướng dẫn trực tuyến cả về quy trình nghiệp vụ và thao tác kỹ thuật, giải đáp vướng mắc cho người nộp hồ sơ.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường đào tạo và giám sát cán bộ cấp cơ sở nhằm chuẩn hóa chất lượng phục vụ; bảo đảm cán bộ, công chức có đủ năng lực và đạo đức nghề nghiệp để phục vụ người dân, doanh nghiệp một cách hiệu quả và minh bạch. Tổ chức kiểm tra, xác minh, làm rõ hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn trong giải quyết TTHC; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không cần thiết theo tinh thần của Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ phê duyệt *Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026*.

- Tăng cường chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện niêm yết công khai, minh bạch, kịp thời các quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất hàng năm, quy hoạch xây dựng, khung giá đền bù thu hồi đất; các quy định, chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ, giải tỏa, tái định cư,... Kiểm tra, giám sát quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và đúng theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, mở mới các kênh giao tiếp với doanh nghiệp, đưa trang fanpage của Cổng Thông tin điện tử tỉnh vào hoạt động trên các nền tảng mạng xã hội để tạo kênh tương tác hai chiều giữa chính quyền và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy chính

sách cởi mở, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động quản lý nhà nước, từ đó giúp cơ quan nhà nước nhận diện đầy đủ hơn về tính hợp pháp, hợp lý của các quy định và những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn, mang lại lợi ích chính đáng cho doanh nghiệp.

- Nghiên cứu phát triển đa dạng hóa các kênh cung cấp, tạo điều kiện thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến như: qua điện thoại di động, thư điện tử, hệ thống bưu điện; phát tờ rơi tuyên truyền; bố trí trang thiết bị và hướng dẫn trực tiếp tại bộ phận một cửa các cấp. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để thay đổi thói quen sử dụng giấy tờ truyền thống của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện hồ sơ TTHC sang phương tiện kỹ thuật, công nghệ.

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về *phát triển kinh tế tư nhân*, trong đó có nội dung *“chấm dứt tình trạng thanh, kiểm tra chồng chéo, trùng lắp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh, kiểm tra mỗi năm 01 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp”*; Quyết định số 54/2023/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND tỉnh ban hành *quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*.

- Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tháo gỡ khó khăn, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh; đảm bảo sự nhất quán trong

thực hiện chủ trương, chính sách từ tỉnh đến cơ sở. Thường xuyên cập nhật thông tin về hỗ trợ doanh nghiệp tại đơn vị; chủ động phối hợp với các cấp, ngành trong giải quyết yêu cầu, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Đảm bảo thực thi đúng pháp luật về hải quan trên cơ sở nâng cao tính tuân thủ các quy định của hải quan hiện đại để hài hòa giữa tạo thuận lợi và yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực hải quan. Duy trì tốt hoạt động của tổ tư vấn hỗ trợ người khai hải quan nhằm phục vụ khách hàng; đồng thời, giải đáp nhanh các vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động xuất - nhập khẩu.

- Tạo mọi điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, không phân biệt đối xử trong giải quyết công việc giữa mọi loại hình doanh nghiệp, đặc biệt trong tiếp cận cơ hội đầu tư, chế độ, chính sách ưu đãi, thời gian thực hiện TTHC. Các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh thống nhất triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo bình đẳng, không có đặc quyền riêng, không phân biệt giữa doanh nghiệp lớn - nhỏ, không có sự quan tâm, giải quyết TTHC khác nhau và đặc biệt, không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp.

- Đẩy mạnh tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các biện pháp phù hợp, thiết thực, hiệu quả như: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương duy trì hoạt động tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư định kỳ nhằm nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và kịp thời tham mưu, giải quyết cho doanh nghiệp; nâng cấp hệ thống trang thông tin điện tử của các đơn vị và kịp thời cập nhật thông tin, quy

định của Nhà nước trên các lĩnh vực; tiếp nhận và xử lý kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi đến các cơ quan, đơn vị nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định của pháp luật; quan tâm đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Công khai đường dây nóng để tổ chức, công dân giám sát, phản ánh việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương, hành chính, văn hóa công sở, thời gian làm việc và niềm yết công khai ở nơi dễ quan sát tại trụ sở làm việc, bộ phận một cửa và Cổng Thông tin điện tử.

- Triển khai thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản, Luật Đấu giá tài sản, Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản hàng năm trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng và bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên khi tham gia đấu giá, phù hợp với các quy định của pháp luật. Thông báo công khai, rộng rãi, đầy đủ thông tin về các điểm mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá theo quy định. Tiến hành rà soát các dự án đầu tư, dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh để nắm bắt khó khăn, vướng mắc và hướng dẫn, tham mưu UBND giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn tại trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan đến hồ sơ về đất đai, cấp phép khai thác khoáng sản hiện nay...

Hi vọng rằng, với các giải pháp trên, PCI của tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới sẽ được cải thiện và nâng cao; đồng thời, quan trọng nhất vẫn là chất lượng phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ngày càng tốt hơn, tiệm cận với các địa phương nằm trong nhóm được VCCI đánh giá có chất lượng điều hành tốt.



Thu hái mắc ca

HIỆN TRẠNG, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT MẮC CA TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

ThS. PHẠM THANH SƠN

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng

Cây mắc ca trong những năm gần đây đã trở thành một trong những nông sản chủ lực của Lâm Đồng, mang lại giá trị cao cho người nông dân. Hiện nay, ngành nông nghiệp đã đánh giá được một số giống mắc ca như 846, 849, QN1, OC, A38 có năng suất, chất lượng cao; do đó, kết hợp với các doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân tổ chức ghép cải tạo để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi ven biển nằm ở vùng Nam Trung bộ, miền Trung Việt Nam; là địa phương có diện tích tự nhiên lớn nhất cả nước (hơn 24.000 km²).

Tỉnh lỵ được đặt tại Đà Lạt. Vị thế địa lý của Lâm Đồng vô cùng đặc biệt, trải dài

từ cửa ngõ Tây Nam của Tây Nguyên, có 141 km đường biên giới với Campuchia, đến dải bờ biển dài 192 km ở phía Đông. Sự kết hợp này mang lại cho Lâm Đồng một lợi thế độc nhất, kiến tạo nên hành lang kinh tế kết nối "rừng vàng" và "biển bạc", mở ra cơ hội phát triển toàn diện và bền vững.

Toàn tỉnh Lâm Đồng sau khi sáp nhập có diện tích gieo trồng đạt 1.042.697 ha; trong đó, 403.981 ha cây hàng năm (lúa, ngô, rau, hoa...), 638.739 ha cây lâu năm (cà phê, chè, điều...); riêng cây mắc ca có khoảng 16.349 ha, trong đó có khoảng 6.600 ha đang cho thu hoạch.

Diện tích gieo trồng các loại cây trồng: 69.925 ha rau, sản lượng đạt 2,03 triệu

tấn; 7.705 ha hoa, sản lượng đạt 2,64 tỷ cành; 323.200 ha cà phê, sản lượng đạt trên 01 triệu tấn; 37.191 ha hồ tiêu, sản lượng đạt 85,193 tấn; 118.229 ha lúa, sản lượng đạt 372.739 tấn; 74.438 ha cây cao su, sản lượng đạt khoảng 53.739 tấn. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác rau ứng dụng công nghệ thông minh đạt trên 02 tỷ đồng/ha/năm; hoa ứng dụng công nghệ IoT đạt từ 3-8 tỷ đồng/ha/năm. Toàn tỉnh ước đạt trên 65.300 ha sản xuất đáp ứng các tiêu chí sản xuất công nghệ cao, chiếm 21,8% diện tích đất canh tác; có 07 vùng nông nghiệp công nghệ cao và 13 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được công nhận; giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đạt bình quân 430 triệu đồng/ha, chiếm trên 40% tổng giá trị sản xuất của ngành; toàn tỉnh có 240 chuỗi với sự tham gia của 195 doanh nghiệp, 108 hợp tác xã cơ sở và hơn 31.100 hộ liên kết.

Mắc ca là cây thân gỗ thường xanh, thuộc nhóm quả hạch, hạt có vỏ cứng, tỷ lệ nhân (kernel) trong hạt chiếm 30-50%, tỷ lệ dầu trong nhân 71-80%, được đánh giá là sản phẩm có thể sử dụng đa dạng, rộng rãi trong ngành công nghệ thực phẩm như: làm dầu ăn, dầu salad, dầu dưỡng da, dầu dược liệu, mỹ phẩm, ăn tươi hoặc ở dạng hạt sấy, rang với muối hoặc đường, mật ong hoặc các loại gia vị khác, làm nhân sôcôla, bánh, kẹo, kem ăn, nước uống... Hàm lượng protein trong nhân có đến 9,2%, gồm 20 loại axit amin, trong đó có 08 loại mà cơ thể con người không tự tổng hợp được. Ngoài ra, trong nhân mắc ca còn chứa nhiều loại vitamin và các chất vi lượng khác rất cần thiết cho cơ thể người. Vì vậy, hạt mắc ca rất bổ dưỡng, cung cấp đầy đủ các chất thiết yếu hàng ngày trong khẩu phần dinh dưỡng cho con người, sử dụng làm thực phẩm chức năng cho bệnh tim mạch. Bên

cạnh đó, phụ phẩm của quả mắc ca có nhiều công dụng như trong vỏ quả chứa 14% tanin dùng để thuộc da, 8-10% protit có thể nghiền trộn làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; vỏ hạt có thể dùng làm than hoạt tính, chất đốt, phân bón và nghiền vụn dùng làm giá thể để ươm cây giống... Gỗ mắc ca có vân thớ đẹp, có thể sử dụng tốt trong ngành chế biến gỗ.

Khí hậu khu vực Tây Nguyên vừa mang tính chất khí hậu cao nguyên nhiệt đới ẩm, vừa chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam khô nóng. Mỗi năm có 02 mùa rõ rệt: mùa mưa bắt đầu từ tháng 4-11, tập trung 90% lượng mưa hàng năm; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa không đáng kể. Nhiệt độ trung bình năm 23-24°C; tổng số giờ nắng trung bình năm 2.000-2.300 giờ; lượng mưa trung bình năm 2.513 mm. Mưa nhiều nhất vào tháng 8, 9; mưa ít nhất vào tháng 1, 2. Độ ẩm không khí trung bình 84%. Đây là vùng có sự nổi bật về đa dạng các kiểu địa hình, đặc biệt là quỹ đất đỏ bazan (Fk) màu mỡ, độ sâu tầng đất lớn, hàm lượng mùn cao, rất phù hợp cho sự phát triển của các loại cây nông, lâm, công nghiệp và đặc biệt là mắc ca. Từ các nhóm yếu tố về đất đai, độ dốc, lượng mưa, nhiệt độ, ánh sáng, sự chênh lệch nhiệt độ ngày - đêm... cho thấy, khu vực Tây Nguyên rất phù hợp để phát triển cây mắc ca.

Về thu mua, chế biến, đến nay, toàn tỉnh có khoảng 49 cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã thu mua, sơ chế, chế biến mắc ca; công suất chế biến nguyên liệu khoảng 11.500 tấn hạt/năm. Thị trường tiêu thụ trong nước chủ yếu là siêu thị, cửa hàng tiện lợi; xuất khẩu sang các nước Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Úc,... Các cơ sở chế biến hạt mắc ca gồm Công ty TNHH Mắc ca Việt, Công ty TNHH Mắc ca Mai Thao, Công ty Cổ phần TBK Green Food, Công ty

TNHH Nông sản Huy Hiếu, Công ty Cổ phần Việt xanh Maca, Hợp tác xã Nông nghiệp xanh Quảng Trục, Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Xuất nhập khẩu Minh Phong, Cơ sở Thu mua và Chế biến hạt mắc ca Gia Bảo và một số hợp tác xã, cơ sở chế biến nhỏ khác. Hiện nay, toàn tỉnh có 10 chuỗi sản xuất, tiêu thụ và chế biến sản phẩm mắc ca với quy mô 1.087 hộ trên diện tích 1.435 ha, sản lượng khoảng 1.175 tấn.

Về tiêu chuẩn, chất lượng, hiện toàn tỉnh có khoảng 1.435 ha mắc ca đạt tiêu chuẩn VietGAP; 33,1 ha mắc ca đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

Về hiệu quả kinh tế, khi trồng xen cây mắc ca trong vườn cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày... vào kỳ kinh doanh ổn định, sau khi trừ chi phí, lợi nhuận bình quân khoảng 100 triệu đồng/ha/năm; nếu trồng thuần vào thời kỳ kinh doanh ổn định, lợi nhuận bình quân khoảng 300 triệu đồng/ha/năm.

Việt Nam nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng đi sau về phát triển mắc ca, do đó, sẽ học và rút kinh nghiệm phát triển mắc ca từ các nước đi trước; bài học gần nhất là từ Trung Quốc do trồng cây mắc ca thực sinh, ở vùng khí hậu không phù hợp nên đã phải phá bỏ nhiều diện tích. Những vùng trồng cây mắc ca tại Lâm Đồng có thiên nhiên ưu đãi, thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp, ít gió bão; đây là một lợi thế so sánh so với các vùng khác trong cả nước và trên thế giới.

Ngày 19/12/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 210/2013/NĐ-CP về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Ngày 30/9/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP; trong đó, có hỗ trợ khi trồng mắc ca với diện tích 50 ha (trồng

phân tán, 500 cây tương đương 01 ha trồng thuần).

Tại tỉnh Lâm Đồng trước khi sáp nhập, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 phê duyệt Quy hoạch phát triển cây mắc ca trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 phê duyệt Kế hoạch phát triển mắc ca bền vững tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2030, định hướng đến năm 2050 với mục tiêu phát triển mắc ca thành ngành hàng sản xuất hiệu quả, bền vững có giá trị gia tăng cao; góp phần phục hồi, tăng độ che phủ rừng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, ổn định dân cư, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; đồng thời, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh vào trồng mắc ca. Có thể kể đến như Công ty TNHH MTV Him Lam Mắc ca đã xây dựng vườn ươm cây giống mắc ca với quy mô 10 ha, có khả năng cung cấp khoảng 1 triệu cây giống/năm; trong thời gian tới, sẽ xây dựng nhà máy chế biến hạt mắc ca. Ngân hàng Bưu điện Liên Việt có gói tín dụng cho người dân vay trồng mắc ca, giúp nhanh hình thành vùng nguyên liệu mắc ca tập trung có chất lượng cao.

Tại tỉnh Đắk Nông trước sáp nhập, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 344/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển bền vững mắc ca giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy phát triển mắc ca bền vững tại tỉnh Lâm Đồng.

Bên cạnh những thuận lợi về khí hậu, thổ nhưỡng và hiệu quả kinh tế mà cây trồng này mang lại, việc phát triển cây

mắc ca trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua còn gặp không ít khó khăn.

Mặc dù trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm mắc ca giữa các hộ trồng cây mắc ca với doanh nghiệp, hợp tác xã trồng và sản xuất, kinh doanh hạt mắc ca, với hình thức liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm, thông qua hỗ trợ kỹ thuật và các hợp đồng mua bán; tuy nhiên, quy mô liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn nhỏ lẻ, phân tán, không tập trung và thiếu tính bền vững; việc thu hút các doanh nghiệp đủ tiềm lực tham gia liên kết theo chuỗi giá trị đối với sản phẩm mắc ca còn hạn chế, làm ảnh hưởng đến giá trị sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Mặt khác, việc sản xuất mắc ca chủ yếu mang tính tự phát, manh mún, chưa quan tâm nhiều đến yếu tố thị trường, chất lượng sản phẩm, đặc biệt là an toàn thực phẩm, vì vậy, sức cạnh tranh chưa cao, chất lượng sản phẩm không ổn định; chưa hình thành được vùng nguyên liệu sản xuất tập trung, đồng nhất về chất lượng, tiêu chuẩn mẫu mã sản phẩm, dẫn đến khó khăn trong việc liên kết tiêu thụ, phục vụ chế biến, không đủ sức cạnh tranh, hiệu quả không cao.

Do đó, để cây mắc ca phát triển bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế cao, cần chú trọng một số vấn đề sau:

Về quản lý

Tiếp tục đánh giá, đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, điều chỉnh quy hoạch và triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu chung cho phù hợp với hiện trạng thực tế của từng vùng, địa phương. Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch và vận động hộ dân triển khai trồng xen cây mắc ca (là cây lâm nghiệp chính) để

nâng cao độ che phủ của rừng, phù hợp với quy hoạch chung của Trung ương và địa phương.

Khuyến cáo cụ thể, đối với các giống mắc ca cần hạn chế hoặc không tiếp tục phát triển, nhất là các giống chưa qua thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc đã có đánh giá từ thực tế như khi chín không rụng gây khó khăn trong việc thu hái; tỷ lệ hạt nảy mầm trên cây lớn làm giảm chất lượng sản phẩm...

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về mật độ trồng xen cây mắc ca trong vườn cây công nghiệp (cà phê, chè,...) để các địa phương căn cứ thực hiện (vì mắc ca là cây lâm nghiệp chính nhưng thực tế được trồng xen với các cây công nghiệp khác như cà phê, chè và trồng để lấy quả).

Trong thời gian tới, ngành nông nghiệp tỉnh sẽ tiếp tục phối hợp tổ chức tập huấn, hội thảo tại các vùng trọng điểm trồng mắc ca để cung cấp thông tin cho người dân về cơ chế, chính sách; nguồn giống, kỹ thuật canh tác... Đặc biệt, chú trọng bình tuyển các cây đầu dòng mới từ những vườn cây thực sinh đang trồng, đủ tiêu chuẩn để làm giống. Bên cạnh đó, thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã trồng, sản xuất mắc ca được cấp chứng nhận, cấp mã số vùng trồng, sản xuất mắc ca theo chuỗi... để làm đầu mối cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến phục vụ xuất khẩu và từng bước nâng cao giá trị và thương hiệu mắc ca Lâm Đồng trên thị trường trong nước và quốc tế.

Về sản xuất

Công tác quản lý, kiểm soát nguồn giống mắc ca còn khó khăn, giá cây giống ghép cao. Thời gian từ trồng đến thu hoạch khá dài; khi thu hoạch, phải nhặt quả hàng ngày và hiện đang cạnh tranh với một số cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn như bơ, sầu riêng (do chủ yếu trồng xen

trong vườn cà phê, chè...).

Chưa đánh giá tổng thể các mô hình sản xuất mắc ca đã thực hiện hỗ trợ từ chương trình chuyển đổi giống hàng năm và diện tích mắc ca người dân tự phát mua giống trồng trong thời gian qua để làm cơ sở khuyến cáo quy trình đầy đủ về giống trồng phù hợp với từng vùng, mật độ, chế độ chăm sóc, phòng trừ sâu, bệnh hại cho mắc ca trồng xen trên đất nông nghiệp.

Diện tích mắc ca chủ yếu là trồng xen trên đất nông nghiệp (cà phê, chè), sản lượng ít, do đó, việc hình thành chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ khá khó khăn.

Nguồn vốn hỗ trợ chuyển đổi giống cây mắc ca còn thấp, chưa đáp ứng so với nhu cầu thực tế của người dân, thiếu sự hỗ trợ liên kết và đầu tư bền vững từ các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc sản xuất, kinh doanh và sử dụng cây giống mắc ca ghép từ các dòng có năng suất cao, chất lượng tốt đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận còn chậm do chưa có nhiều mô hình trình diễn hiệu quả từ thực tiễn sản xuất. Điều này khiến việc thuyết phục người dân gặp khó khăn.

Về thu mua, chế biến

Hệ thống thu mua mắc ca còn nhỏ lẻ, chưa được kiểm soát và phát huy hiệu quả do thiếu sự liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp sơ chế, chế biến, dẫn đến thiếu sản phẩm được chứng nhận về tiêu chuẩn, chất lượng.

Chưa thu hút được các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến hiện đại, đủ công suất để tiêu thụ sản phẩm cho vùng nguyên liệu mắc ca hiện đang có xu hướng phát triển nhanh trên địa bàn tỉnh. Chưa xây dựng được thương hiệu riêng cho sản phẩm mắc ca Lâm Đồng.

Cùng với sự phát triển, việc xây dựng nhãn hiệu chứng nhận “*Mắc ca Lâm Đồng*”

cho sản phẩm hạt mắc ca của tỉnh sẽ là nền móng vững chắc để giúp nông dân yên tâm, mạnh dạn đầu tư sản xuất; giúp cơ sở kinh doanh thương mại và tiêu thụ sản phẩm tự tin quảng bá, giới thiệu, đầu tư xây dựng và mở rộng thị trường. Nhãn hiệu “*Mắc ca Lâm Đồng*” sẽ như một cam kết với người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm cũng như một cam kết về việc phát triển nông - lâm nghiệp bền vững, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đồng thời, góp phần xây dựng thêm cho tỉnh Lâm Đồng một thương hiệu mạnh trên thị trường, tiến đến mở rộng thị trường xuất khẩu, đưa sản phẩm mắc ca Lâm Đồng vươn xa ra thế giới.

Hướng dẫn hồ sơ pháp lý thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác trồng mắc ca cho người dân nhằm giảm chi phí sản xuất, liên kết tạo ra sản phẩm với số lượng lớn, làm đầu mối cung cấp cho các doanh nghiệp có nhà máy chế biến; khuyến khích tạo ra nhiều sản phẩm được chứng nhận OCOP mang tính đặc thù của địa phương. Tổ chức xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm mắc ca của tỉnh Lâm Đồng.

Tiếp tục xây dựng các mô hình sản xuất mắc ca hiệu quả, từ đó, nhân rộng ra các vùng khác, triển khai đầu tư nhiều mô hình, tập huấn kỹ thuật phát triển mắc ca theo tiêu chuẩn VietGAP, đặc biệt là mô hình canh tác mắc ca theo tiêu chuẩn hữu cơ, nhằm tạo ra sản phẩm mắc ca có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, nhất là các nước khó tính như Nhật Bản, châu Âu, Mỹ, Canada...

Lâm Đồng là một trong những địa phương được Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy hoạch trồng mắc ca, việc phát triển diện tích trồng cây mắc ca sẽ góp phần phát triển kinh tế tỉnh nhà, phát huy lợi thế so sánh so với các vùng khác trong cả nước.

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI GIỐNG ĐẬU XANH ĐX21, ĐX23



Giống đậu xanh ĐX21, ĐX23 được Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ (Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm) chọn lọc ra từ dòng đậu xanh thuần nhập nội.

GIỐNG ĐẬU XANH ĐX21

Giống đậu xanh ĐX21 có kiểu sinh trưởng hữu hạn, lá màu xanh đậm, sinh trưởng khỏe, quả chín tập trung, hạt có màu xanh bóng.

Thời gian sinh trưởng từ 72-80 ngày, kháng trung bình bệnh khảm lá; quả có từ 12-13 hạt; khối lượng 1.000 hạt từ 63-65 g. Năng suất đạt từ 1,7-1,9 tấn/ha, thích ứng rộng, trồng được ở 02 thời vụ trong năm (vụ Xuân; vụ Hè).

Giống đậu xanh ĐX21 ra quả tập trung nên chỉ cần thu hoạch từ 2-3 lần/vụ.

Giống đậu xanh ĐX21 được Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm tự công bố lưu hành theo Văn bản số 64/VCLT-KH ngày 01/3/2024, đăng tải trên cơ sở dữ

liệu Cục Trồng trọt (nay là Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) ngày 13/3/2024.

GIỐNG ĐẬU XANH ĐX23

Giống đậu xanh ĐX23 có kiểu sinh trưởng hữu hạn, lá màu xanh đậm, sinh trưởng khỏe, quả chín tập trung, hạt có màu xanh mốc.

Thời gian sinh trưởng từ 72-80 ngày, kháng trung bình bệnh khảm lá; quả có từ 11,8-12,0 hạt; khối lượng 1.000 hạt từ 62-63 g.

Năng suất đạt từ 1,7-1,9 tấn/ha, thích ứng rộng, trồng được ở 02 thời vụ trong năm (vụ Xuân; vụ Hè).

Giống đậu xanh ĐX23 ra quả tập trung nên chỉ cần thu hoạch từ 2-3 lần/vụ.

Giống đậu xanh ĐX23 được Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm tự công bố lưu hành theo Công văn số 67/VCLT-KH ngày 01/3/2024, đăng tải trên cơ sở dữ liệu Cục Trồng trọt (nay là Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) ngày 13/3/2024.

Thông tin chi tiết xin liên hệ:

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ.

Xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 02438613919; Fax: 02438618095;
Email: pthu1968@yahoo.com

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

GIỐNG NHO NH01-16



Nho là cây trồng đặc thù và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân tại Ninh Thuận - nơi có điều kiện khí hậu, đất đai rất phù hợp cho quá trình sinh trưởng, phát triển của cây nho.

Hiện trong sản xuất, giống nho đỏ Cardinal truyền thống vẫn chiếm tỷ lệ diện tích rất cao (khoảng 70%), giống nho Cardinal được trồng đại trà với thời gian đã khá lâu (trên 40 năm). Đây là giống nho dễ trồng, tiềm năng năng suất cao, thích ứng với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng khá rộng. Tuy nhiên, giống nho đỏ truyền thống đã bộc lộ nhiều nhược điểm như chất lượng thấp, nhiều hạt, độ brix (độ ngọt) không cao, nhiễm một số đối tượng sâu, bệnh hại, vì vậy, hiệu quả kinh tế mang lại ít hấp dẫn người trồng.

Trong thời gian qua, Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ đã nghiên cứu, chọn tạo ra giống nho đỏ

mới NH01-16 với nhiều đặc tính tương đồng với giống nho đỏ truyền thống, khắc phục được một số nhược điểm và mang lại hiệu quả cao trong sản xuất.

Giống nho NH01-16 có phổ thích nghi rộng, dễ ra hoa, đậu quả, chống chịu tốt với sâu, bệnh hại. Thời gian khi cắt cành đến khi thu hoạch từ 90-95 ngày. Quả có hình bầu dài, to, vỏ dày, khi chín có màu sắc đỏ tươi, đẹp; thịt quả cứng chắc, có mùi thơm đặc trưng; chùm quả dạng thon dài, ít phân nhánh; cuống chùm to, dài; khối lượng dao động 350-400 g/chùm; lúc thu hoạch, hàm lượng đường trong dịch quả đạt khoảng 16 độ brix; tiềm năng năng suất khá cao, trung bình 15-18 tấn/ha/vụ, trong điều kiện thâm canh tốt có thể đạt 20 tấn/ha/vụ.

Giống nho NH01-16 đã được Văn phòng Bảo hộ Giống cây trồng chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới.

Thông tin chi tiết xin liên hệ:

Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ.

Km 14, quốc lộ 27, Nha Hồ, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa;
Điện thoại: 0259.3853105; Email:nhaho-ricotad@mae.gov.vn

TIN CẢNH BÁO

TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



UKRAINE

Sản phẩm điều chỉnh: hạt giống và vật liệu trồng trọt.

Thông báo số: G/TBT/N/UKR/356, ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Mô tả nội dung: dự thảo này quy định việc sửa đổi một số Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine trong lĩnh vực hạt giống và vật liệu trồng trọt, nhằm đưa ra những quy định phù hợp với Luật Ukraine về hạt giống và vật liệu trồng trọt, Nghị quyết được sửa đổi bởi Luật số 4017-IX ngày 10/10/2024 về việc sửa đổi một số Đạo luật Lập pháp của Ukraine sau khi thông qua Luật Ukraine về thủ tục hành chính.

Các sửa đổi được đề xuất nhằm thống nhất thuật ngữ liên quan đến thủ tục hành chính về hoạt động của các tổ chức kinh doanh trong việc xin xác nhận nhập khẩu vào Ukraine đối với các mẫu hạt giống và vật liệu trồng trọt của các giống cây trồng không có trong Sổ đăng ký nhà nước về giống cây trồng đủ điều kiện phân phối tại Ukraine để nhân giống, nghiên cứu và phơi nhiễm, cũng như việc xuất khẩu các mẫu này từ Ukraine. Cụ thể, các sửa đổi với mục đích đảm bảo doanh nghiệp được quyền tham gia vào các thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước Ukraine thực hiện về an toàn thực phẩm và bảo vệ người tiêu dùng theo yêu cầu của họ.

Các sửa đổi cũng đề cập đến việc cấp giấy chứng nhận chất lượng hạt giống và giấy chứng nhận kiểm toán viên chứng nhận (chuyên gia nông học - thanh tra).

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: phòng ngừa các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; hài hòa hóa.

Ngày dự kiến có hiệu lực: sẽ được xác định.

Ngày dự kiến thông qua: sẽ được xác định.

Ngày cuối cùng để lấy ý kiến: 12/10/2025.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Kinh tế, Môi trường và Nông nghiệp Ukraine. Cục Hiệp định Thương mại.

Địa chỉ: 12/2 đường Hrushevskoho, Kyiv 01008

Điện thoại: +(38 044) 596 6839

Email: ep@me.gov.ua

Website: <https://www.me.gov.ua>

TIN CẢNH BÁO

TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



CHI LÊ

Sản phẩm điều chỉnh: gỗ xẻ và gỗ bào.

Thông báo số: G/TBT/N/CHL/751, ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Mô tả nội dung: tiêu chuẩn này thông báo thiết lập việc phân loại theo hình thức của gỗ thông Radiata đã xẻ và bào, dựa trên các khuyết tật được quan sát thấy trong quá trình phân loại. Tiêu chuẩn này áp dụng cho gỗ thông Radiata đã xẻ và bào, có độ ẩm tối đa dưới 20% dùng cho mục đích chung trong việc hoàn thiện xây dựng như ván chân tường, ván sàn, ván trần giả, ốp tường, tủ; không áp dụng cho việc phân loại gỗ với mục đích sử dụng cụ thể như gỗ kết cấu và gỗ kết cấu xây dựng. Các tiêu chuẩn cụ thể có liên quan phải được sử dụng cho các mục đích đó.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho việc phân loại các khuyết tật xảy ra sau khi gỗ đã được gia công; do đó, bất kỳ khuyết tật nào xảy ra trong quá trình xử lý, vận chuyển, lưu trữ và các quy trình khác ảnh hưởng đến gỗ bên ngoài nhà máy sản xuất không thuộc phạm vi điều chỉnh của tiêu chuẩn này.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: yêu cầu về chất lượng.

Ngày dự kiến thông qua: được xác định.

Ngày dự kiến có hiệu lực: sẽ được xác định.

Ngày cuối cùng để nhận ý kiến: 09/11/2025.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Nhà ở và Phát triển đô thị.





Ảnh: Internet

DANH MỤC CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

PHẠM VĂN DUẬT

Thanh tra tỉnh Lâm Đồng

Với quyết tâm làm chủ công nghệ chiến lược nhằm tạo đột phá tăng trưởng kinh tế và giải các bài toán lớn của quốc gia, ngày 12/6/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành *Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược* tại Quyết định số 1131/QĐ-TTg.

Theo đó, mỗi nhóm công nghệ chiến lược có định hướng nghiên cứu và ứng dụng vào các lĩnh vực có liên quan như:

- Nhóm trí tuệ nhân tạo, bản sao số, thực tế ảo/thực tế tăng cường; nhóm công nghệ điện toán đám mây, lượng tử, dữ liệu lớn; công nghệ mạng di động thế hệ sau (5G/6G); an ninh mạng và công nghệ hàng không, vũ trụ sẽ được định hướng vào tất cả các lĩnh vực gồm khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; công thương; dân tộc và tôn giáo; giáo dục và đào tạo;

nông nghiệp và môi trường; tài chính và ngân hàng; tư pháp và thanh tra; văn hóa, thể thao, du lịch; xây dựng và giao thông và y tế.

- Nhóm công nghệ blockchain được định hướng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; công thương; nông nghiệp và môi trường; tài chính và ngân hàng; văn hóa, thể thao, du lịch; y tế.

- Nhóm công nghệ robot và tự động hóa: khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; công thương; giáo dục và đào tạo; nông nghiệp và môi trường; văn hóa, thể thao, du lịch; xây dựng và giao thông; y tế.

- Nhóm công nghệ chip bán dẫn: khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; công thương; giáo dục và đào tạo; nông nghiệp và môi trường; tài chính và ngân hàng; xây dựng và giao thông; y tế.

- Nhóm công nghệ y - sinh học tiên tiến: khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; nông nghiệp và môi trường; tư pháp và thanh tra; y tế.

- Nhóm công nghệ năng lượng, vật liệu tiên tiến: khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; công thương; nông nghiệp và môi trường; xây dựng và giao thông; y tế.

- Nhóm công nghệ đất hiếm, đại dương, lòng đất: khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; công thương; nông nghiệp và môi trường; xây dựng và giao thông.

Việc ban hành Danh mục này sẽ xác định rõ các công nghệ được ưu tiên đầu tư, đặt hàng và triển khai; đây là bước đi quan trọng nhằm tạo hành lang, chính sách thúc đẩy từ cấp vi mô đến từng cơ sở nghiên cứu và triển khai công nghệ. Quyết định này sẽ có định hướng cho toàn bộ hoạt động khoa học và công nghệ trong thời gian tới để thực hiện thành công những điểm cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về *đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

Căn cứ chỉ đạo của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Bộ Khoa học và Công nghệ đã

phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, Hội đồng Tư vấn quốc gia của Ban Chỉ đạo Trung ương xác định mục tiêu, nguyên tắc và tiêu chí lựa chọn sản phẩm. Theo đó, sản phẩm công nghệ chiến lược được ưu tiên triển khai ngay phải đảm bảo các nguyên tắc: tính cấp thiết, khả năng thành công nhanh, tạo tác động lan tỏa; có sự sẵn sàng tham gia của doanh nghiệp; phục vụ ngay việc phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên sản phẩm có khả năng thương mại hóa trong năm 2025.

Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện đề xuất Danh sách các sản phẩm công nghệ chiến lược triển khai năm 2025 và 03 sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai năm 2025.

Cụ thể, sản phẩm công nghệ chiến lược triển khai năm 2025 gồm: mô hình ngôn ngữ lớn và trợ lý ảo tiếng Việt; hệ thống và thiết bị mạng di động 5G; AI Camera xử lý tại biên; nền tảng blockchain cho truy xuất nguồn gốc, tài sản số; robot di động tự hành; thiết bị bay không người lái. Trong đó, 03 sản phẩm ưu tiên triển khai ngay là: mô hình ngôn ngữ lớn và trợ lý ảo tiếng Việt; hệ thống và thiết bị mạng di động 5G; AI Camera xử lý tại biên.

Danh mục công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược

STT	Nhóm công nghệ chiến lược	Nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược
1	Trí tuệ nhân tạo, bản sao số, thực tế ảo/thực tế tăng cường	Mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt
		Trợ lý ảo
		Trí tuệ nhân tạo chuyên ngành
		Trí tuệ nhân tạo phân tích
		Bản sao số (Digital Twin)
2	Công nghệ điện toán đám mây, lượng tử, dữ liệu lớn	Vũ trụ ảo (Metaverse)
		Dịch vụ điện toán đám mây
		Dịch vụ điện toán lượng tử, truyền thông lượng tử
		Trung tâm dữ liệu mô hình lớn

STT	Nhóm công nghệ chiến lược	Nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược
3	Công nghệ blockchain	Tài sản số, tiền số, tiền mã hóa
		Hạ tầng mạng blockchain
		Hệ thống truy xuất nguồn gốc
4	Công nghệ mạng di động thế hệ sau (5G/6G)	Thiết bị, giải pháp mạng truy cập vô tuyến 5G/6G theo chuẩn ORAN
		Thiết bị, giải pháp mạng lõi 5G/6G
		Thiết bị, giải pháp truyền dẫn IP tốc độ cao
5	Công nghệ robot và tự động hóa	Robot di động tự hành
		Robot công nghiệp
		Hệ thống, dây chuyền chế biến thực phẩm tiên tiến cho các sản phẩm nông - lâm - thủy sản
		Hệ thống bảo quản và giám sát chất lượng sau thu hoạch
6	Công nghệ chip bán dẫn	Chip chuyên dụng, chip AI, chip IoT
7	Công nghệ y - sinh học tiên tiến	Vắc xin thế hệ mới
		Liệu pháp gen (chỉnh sửa gen) trong y tế và nông nghiệp
		Liệu pháp tế bào (tế bào gốc, tế bào miễn dịch)
8	Công nghệ năng lượng, vật liệu tiên tiến	Lò phản ứng hạt nhân nhỏ, an toàn
		Pin lithium - ion, thể rắn, nhiên liệu, điện phân
		Vật liệu tiên tiến
9	Công nghệ đất hiếm, đại dương, lòng đất	Hệ thống, thiết bị và giải pháp công nghệ đánh giá trữ lượng, khai thác, tuyển khoáng, tách chiết, tinh chế đất hiếm
		Hệ thống, giải pháp công nghệ thăm dò địa chất thông minh
		Thiết bị, giải pháp công nghệ thăm dò và khai thác biển sâu
		Hệ thống, thiết bị, giải pháp công nghệ khai thác năng lượng ngoài khơi
10	An ninh mạng	Giải pháp tường lửa, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập
		Giải pháp đảm bảo an ninh cho hạ tầng quan trọng và cơ sở dữ liệu quốc gia
11	Công nghệ hàng không, vũ trụ	Vệ tinh viễn thám và viễn thông tầm thấp
		Trạm mặt đất và điều khiển vệ tinh
		Thiết bị bay không người lái



Lâm sản ngoài gỗ. Nguồn: Internet

CÁC HÌNH THỨC KIỂM TRA, TRUY XUẤT NGUỒN GỐC LÂM SẢN

Ngày 24/6/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Thông tư này quy định về:

- Hồ sơ lâm sản hợp pháp, quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; trình tự, thủ tục khai thác thực vật rừng thông thường, động vật rừng thông thường.

- Đánh dấu mẫu vật động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), trừ loài thủy sản.

- Phân loại doanh nghiệp trồng; khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng; chế biến; nhập khẩu; xuất khẩu gỗ.

- Tiếp nhận lâm sản, động vật, thực vật

thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước.

- Bảo quản lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES là tang vật, vật chứng trong quá trình tạm giữ hoặc do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước.

- Xử lý lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; Phụ lục CITES được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Trong đó, Thông tư có quy định rõ về kiểm tra, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG KIỂM TRA

Theo Thông tư, đối tượng kiểm tra là tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư có hoạt động

khai thác, vận chuyển, chế biến, sản xuất, mua bán, chuyển quyền sở hữu lâm sản, xuất khẩu, nhập khẩu, cất giữ lâm sản, nuôi động vật rừng, trồng thực vật rừng và đánh dấu mẫu vật.

Nội dung kiểm tra tập trung vào:

- Đối với khai thác lâm sản: kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khai thác lâm sản theo Quy chế quản lý rừng và lâm sản khai thác thực tế tại hiện trường;

- Đối với lâm sản khi nhập khẩu, xuất khẩu: kiểm tra hồ sơ lâm sản theo quy định và lâm sản thực tế tại cửa khẩu;

- Đối với vận chuyển lâm sản: kiểm tra việc chấp hành quy định về hồ sơ lâm sản trong quá trình vận chuyển theo quy định và lâm sản trên phương tiện vận chuyển;

- Đối với cơ sở chế biến, kinh doanh, cất giữ gỗ, lâm sản: kiểm tra việc chấp hành quy định về hồ sơ lâm sản theo quy định và lâm sản hiện có tại cơ sở;

- Đối với cơ sở nuôi động vật rừng thông thường, động vật thuộc Phụ lục CITES, động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; cơ sở trồng các loài thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thực vật thuộc Phụ lục CITES: kiểm tra việc chấp hành quy định về hồ sơ lâm sản theo quy định và động vật, thực vật đang nuôi, trồng tại cơ sở;

- Đối với nơi cất giữ lâm sản: kiểm tra hồ sơ lâm sản theo quy định và lâm sản hiện có.

Hoạt động kiểm tra của cơ quan kiểm lâm do Tổ kiểm tra hoặc Đoàn kiểm tra (sau đây gọi là Tổ kiểm tra) thực hiện khi có quyết định kiểm tra của người có thẩm quyền quy định, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất.

Hoạt động kiểm tra của kiểm lâm phải đảm bảo kịp thời, khách quan, chính xác, đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện đúng trình tự quy định.

HÌNH THỨC KIỂM TRA

Về hình thức kiểm tra, Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT nêu rõ, có 03 hình thức kiểm tra, gồm kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra đột xuất.

Kiểm tra theo kế hoạch

Trước ngày 30/11 hàng năm, thủ trưởng cơ quan kiểm lâm có trách nhiệm xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra năm sau. Trường hợp có ý kiến chỉ đạo của cơ quan cấp trên hoặc có nội dung cần quản lý phát sinh ngoài kế hoạch kiểm tra hàng năm thì điều chỉnh kế hoạch kiểm tra.

Căn cứ kế hoạch kiểm tra được duyệt, cơ quan kiểm lâm thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước ngày 31/12 hàng năm hoặc sau khi phê duyệt điều chỉnh kế hoạch kiểm tra.

Kiểm tra theo chuyên đề

Căn cứ tình hình quản lý lâm sản trên địa bàn cần phải kiểm tra ngăn chặn và xử lý, thủ trưởng cơ quan kiểm lâm chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra theo chuyên đề.

Kiểm tra đột xuất

Áp dụng khi có một trong các căn cứ như sau:

- Thông tin từ phương tiện thông tin đại chúng;

- Thông tin từ đơn, thư khiếu nại, tố cáo hoặc tin báo của tổ chức, cá nhân;

- Thông tin từ đơn đề nghị xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân;

- Thông tin từ phát hiện hoặc trường hợp phát hiện vi phạm của công chức kiểm lâm quản lý địa bàn hoặc công chức kiểm lâm được giao nhiệm vụ theo dõi, phát hiện vi phạm;

- Văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT quy

định rõ, công chức kiểm lâm thu thập, tiếp nhận thông tin về hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật phải báo cáo ngay với thủ trưởng cơ quan kiểm lâm trực tiếp để xử lý thông tin.

Căn cứ thông tin quy định trên, thủ trưởng cơ quan kiểm lâm có trách nhiệm xử lý thông tin, chỉ đạo kiểm tra, chịu trách nhiệm về quyết định của mình; chỉ đạo việc lập sổ theo dõi thông tin và tổ chức quản lý theo chế độ quản lý tài liệu mật.

THỰC HIỆN KIỂM TRA

Theo Thông tư, công tác thực hiện kiểm tra gồm:

- Công bố và giao quyết định kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra hoặc người đại diện của đối tượng được kiểm tra; thông báo về thành phần Tổ kiểm tra và người chứng kiến (nếu có). Trường hợp kiểm tra đột xuất không có quyết định kiểm tra thì người đại diện của Tổ kiểm tra phải giới thiệu về thành phần tham gia và lý do kiểm tra.

- Yêu cầu đối tượng được kiểm tra hoặc người đại diện của đối tượng được kiểm tra chấp hành quyết định kiểm tra của người có thẩm quyền và làm việc với Tổ kiểm tra. Trường hợp những người này không có mặt tại nơi kiểm tra thì Tổ kiểm tra mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đại diện cơ quan công an nơi kiểm tra, người chứng kiến để công bố quyết định kiểm tra và tiến hành kiểm tra theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra theo đúng nội dung quyết định kiểm tra đã công bố. Trường hợp có nội dung phát sinh trong quá trình kiểm tra vượt quá thẩm quyền, Tổ kiểm tra phải báo cáo ngay với người ban hành quyết định kiểm tra để kịp thời xử lý.

- Kiểm tra vận chuyển lâm sản: Tổ kiểm tra chỉ được dừng phương tiện giao thông đang lưu thông để kiểm tra lâm sản khi

có căn cứ. Hiệu lệnh dừng phương tiện có thể sử dụng một loại hoặc sử dụng kết hợp còi, cờ hiệu kiểm lâm, đèn pin.

- Kiểm tra lâm sản nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu: cơ quan kiểm lâm phối hợp với cơ quan hải quan cửa khẩu tổ chức kiểm tra lâm sản.

Đối tượng được kiểm tra phải chấp hành các yêu cầu kiểm tra của Tổ kiểm tra; xuất trình ngay hồ sơ lâm sản theo quy định và các tài liệu liên quan khác theo quy định của pháp luật.

HỒ SƠ NGUỒN GỐC LÂM SẢN

Bên cạnh đó, Thông tư cũng có quy định cụ thể về thành phần hồ sơ nguồn gốc đối với từng loại lâm sản.

- Lâm sản có nguồn gốc khai thác trong nước:

- + Gỗ khai thác từ rừng tự nhiên.

- + Gỗ loài thông thường khai thác từ rừng trồng do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu; rừng trồng phòng hộ do tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư.

- + Gỗ loài thông thường khai thác từ rừng sản xuất là rừng trồng, gỗ có tên trùng với cây gỗ rừng tự nhiên, cây trồng phân tán, cây vườn nhà do tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư.

- + Gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc gỗ thuộc Phụ lục CITES khai thác trong nước.

- + Thực vật ngoài gỗ.

- Lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu:

- + Gỗ nhập khẩu;

- + Thực vật ngoài gỗ, động vật và sản phẩm của chúng thuộc Phụ lục CITES;

- + Thực vật ngoài gỗ không thuộc Phụ lục CITES.

- Lâm sản có nguồn gốc sau xử lý tịch thu.